TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 18/01/2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và ông Vũ Xuân Dự.
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Thu Hà, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 200/2023/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị N, sinh năm 1983; ĐKHKTT và trú tại: Xóm 7B, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

- Bị đơn: Anh Phan Văn T (Phan Văn T), sinh năm 1983; ĐKHKTT và trú tại: Xóm 7B, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt không có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về phía nguyên đơn chị Dương Thị N trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Chị và anh Phan Văn T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn năm 2003 tại UBND xã K, huyện K, là quê của anh chị. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm 7, xã K. Vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn nên chị và anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay.

Theo chị N nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn là do anh T chơi bời, bị bạn bè rủ rê vào con đường nghiện ma túy, vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Năm 2016 anh T bị bắt đi cai nghiện ma túy, đến năm 2017 sau khi đi cai nghiện về anh T không thay đổi, không từ bỏ được ma túy mà còn nhiều lần trực tiếp sử dụng ma túy. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn. Đầu năm 2023 trở lại đây chị và anh T sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị N xác định vợ chồng chị có 2 con chung là Phạm Trung K, sinh năm 2003 và Phan Thị Yến V, sinh năm 2012. Hiện con Phan Trung K

thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con Phan Thị Yến V và yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con cho chị 1.000.000 đồng(một triệu đồng)/ 1 tháng.

Về tài sản: Chị N xác định vợ chồng chị tự thỏa thuận tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Phan Văn T trong bản tự khai ngày 23/10/2023 trình bày:

Anh và chị N có làm thủ tục đăng ký kết hôn năm 2003 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà riêng tại xóm 7B, xã K. Quá trình chung sống thì vợ chồng chung sống hòa thuận một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo anh nguyên nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do chị N bị nhiều tác động từ bên ngoài, không quan tâm chăm sóc chồng con. Anh đã nhiều lần khuyên giải nhưng chị N vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân được khoảng 9 tháng mặc dù vẫn ở chung một nhà. Nay chị N có yêu cầu ly hôn anh thì anh không đồng ý, anh đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh thêm thời gian suy nghĩ, trao đổi.

Về con chung: Anh T cũng xác nhận vợ chồng có 2 con chung là xác định vợ chồng chị có 2 con chung là Phạm Trung K, sinh năm 2003 và Phan Thị Yến V, sinh năm 2012. Trường hợp phải ly hôn thì anh tôn trọng nguyện vọng của con chung là V và sẽ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Trường hợp phải ly hôn thì anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện tương đối đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 118 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14.

Đề nghị tuyên: Xử ly hôn giữa chị Dương Thị N và anh Phan Văn T. Giao con chung cho chị N nuôi dưỡng và anh T phải đóng góp cấp dưỡng 1.000.000đ/ tháng kể từ tháng 01/2024 cho đến khi con chung thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Dương Thị N khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Phan Văn T, tạm trú tại: xóm 7, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K.

Bị đơn anh Phan Văn T đã được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, anh T vắng mặt tại buổi hòa giải ngày 27/10/2023, không có đơn xin xét xử vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến gì thêm, căn cứ Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị N và anh Phan Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2003 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ. Vợ chồng chung

sống hòa thuận được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn nên chị và anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay.

Theo chị N nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn là do anh T chơi bời, bị bạn bè rủ rê vào con đường nghiện ma túy, vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Năm 2016 anh T bị bắt đi cai nghiện ma túy, đến năm 2017 sau khi đi cai nghiện về anh T không thay đổi, không từ bỏ được ma túy. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hòa giải nhưng không cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn. Khoảng đầu năm 2023 trở lại đây chị và anh T sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về phía anh T, anh cho rằng việc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do chị N bị nhiều tác động từ bên ngoài, không quan tâm chăm sóc chồng con. Anh đã nhiều lần khuyên giải nhưng chị N vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân được khoảng 9 tháng mặc dù vẫn ở chung một nhà. Nay chị N có yêu cầu ly hôn anh thì anh không đồng ý, anh đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh thêm thời gian suy nghĩ, trao đổi.

Như vậy mặc dù hai bên trình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là khác nhau nhưng cả chị N và anh T đều xác nhận vợ chồng hiện đã ly thân được một thời gian gần một năm. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện cho các bên có thời gian hòa giải, suy nghĩ nhưng không có kết quả. Anh T mặc dù có quan điểm không nhất trí ly hôn nhưng trong thời gian cho 2 bên tự trao đổi, cũng như hòa giải tại Tòa án, anh T, chị N đều không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng; có ý bỏ mặc.

Từ những phân tích nêu trên đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị N, anh T hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị N giải quyết ly hôn anh T là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : Chị N và anh T đều xác nhận vợ chồng có 2 con chung là xác định vợ chồng chị có 2 con chung là Phạm Trung K, sinh năm 2003 và Phan Thị Yến V, sinh năm 2012.

Về phía chị N: Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con Phan Thị Yến V và yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con cho chị 1.000.000 đồng(một triệu đồng)/ 1 tháng. Hiện con Phan Trung K thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía anh T: Trường hợp phải ly hôn thì anh tôn trọng nguyện vọng của con chung là cháu V và sẽ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật..

Cháu V khi được hỏi có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt, học tập của cháu V và tôn trọng nguyện vọng của con chung thì việc giao cháu V cho chị N nuôi dưỡng và anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/1 tháng kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên như chị N đề xuất là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị N và anh T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét

[5] Về án phí: Tại phiên tòa chị N đề nghị nộp toàn bộ án phí ly hôn cũng như án phí cấp dưỡng nuôi con; Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 yêu cầu của chị được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 118 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Dương Thị N và anh Phan Văn T.

2. Về con chung: giao chị Dương Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả con chung của vợ chồng là Phan Thị Yến V, sinh ngày 21/01/2012. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Về mức cấp dưỡng: Anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị N mỗi tháng 1.000.000đ kể từ tháng 01/2024 đến khi cháu V thành niên.

3. Về án phí: Chị Dương Thị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, 300.000đ án phí án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA0005026 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị N còn phải nộp 300.000đ

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thế Anh